

Bootstrap 1

Khoá Học “Building Website With HTML & CSS”

Mục tiêu

- Sử dụng được Grid System
- Tạo được Navbar menu
- Sử dụng được Bootstrap Form
- Sử dụng được Panel
- Sử dụng được Text Alignment

Grid System

- Sử dụng Grid System của Bootstrap 4 theo công thức:

.col-@@-@

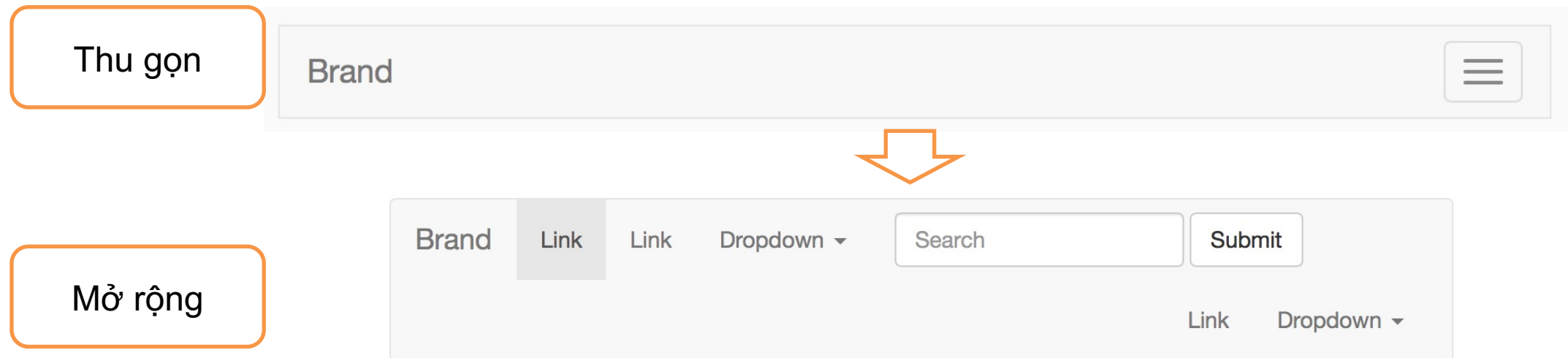
- Ví dụ: **.col- xl -4, col-md-8 , col-sm-6, col-12**

@@	@
- là 4 giá trị sm, md, lg, xl. - Không viết mặc định là xs.	là giá trị từ 1 đến 12.

- - Grid System của Bootstrap 4 sẽ bao gồm 4 class, với:
- + **.col-@**: sử dụng cho màn hình điện thoại (<576px)
- + **.col-sm-@**: sử dụng cho màn hình máy tính bảng (≥ 576 px)
- + **.col-md-@**: sử dụng cho màn hình laptop, màn hình máy tính để bàn (≥ 768 px)
- + **.col-lg-@**: sử dụng cho màn hình máy tính để bàn lớn (≥ 992 px)
- + **.col-xl-@**: sử dụng cho màn hình máy tính để bàn lớn (≥ 1200)

Navbar - Thanh điều hướng

- Navbar là thành phần thường được dùng trong phần header.
- Khi sử dụng cho điện thoại di động navbar được thu gọn lại và mở rộng khi khung nhìn tăng lên.



Tạo Navbar

- Thêm các class `.navbar`, `.navbar-default` cho thẻ `<nav>`
- Thêm `role = "navigation"` vào phần tử ở trên, trợ giúp tiếp cận.
- Thêm class `.navbar-header` vào phần tử `<div>`. Gồm phần tử `<a>` với class `.navbar-brand`. Điều này sẽ cho văn bản một kích thước lớn hơn một chút
- Để thêm liên kết vào thanh điều hướng, chỉ cần thêm một danh sách không có thứ tự với các class của `.nav`, `.navbar-nav`.

Bootstrap Form

FORM ĐỨNG

Email address

Password

File input

No file chosen

Example block-level help text

☐ Check me out

```
<form role = "form">
```

```
<form class = "form-inline" role = "form">
```

FORM NGANG (FORM-HORIZONTAL)

Email

Password

☐ Remember me

FORM TRÊN MỘT HÀNG (FORM-INLINE)

Name **Email**

```
<form class = "form-horizontal" role = "form">
```

Form đăng

- ❑ **.form-group**: tạo nhóm
- ❑ **.form-control**: định dạng điều khiển
- ❑ **.checkbox**: nhóm checkbox
- ❑ **.btn .btn-default**: định dạng nút

```
<form>
  <div class="form-group">
    <label for="email">Email address</label>
    <input class="form-control" id="email">
  </div>

  <div class="form-group">
    <label for="pass">Password</label>
    <input class="form-control" id="pass">
  </div>

  <div class="checkbox">
    <label>
      <input type="checkbox"> Remember me?
    </label>
  </div>
  <button class="btn btn-default">Login</button>
</form>
```

Một nhóm gồm nhãn <label> và điều khiển .form-control

Email address

Password

☐ Remember me?

Login

Một nhóm .checkbox

Nút nhấn

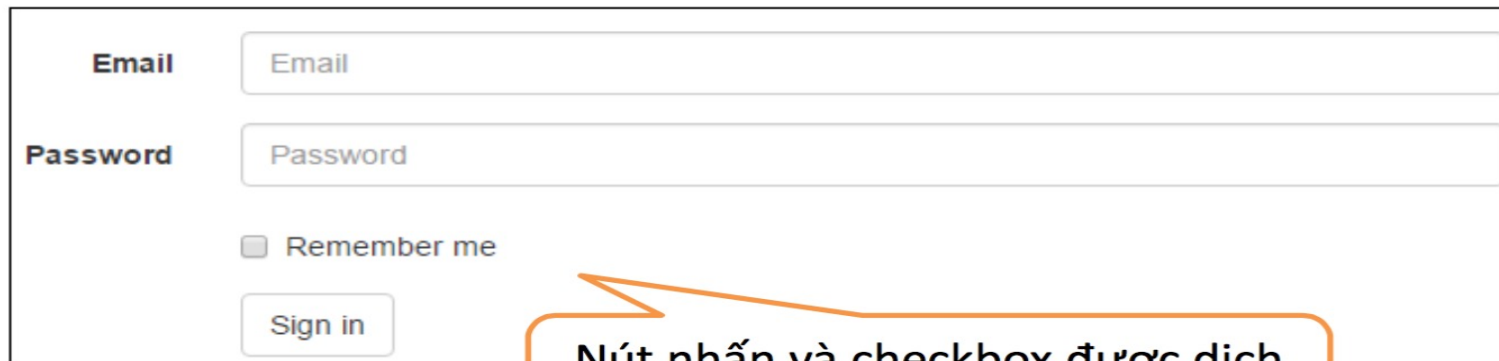
Form ngang (.form-horizontal)

```
<form class="form-horizontal">

  <div class="form-group">
    <label for="email" class="col-sm-2">Email</label>
    <div class="col-sm-10">
      <input class="form-control" id="email">
    </div>
  </div>

  ...
</form>
```

❑ Sử dụng lưới để chia trong mỗi nhóm



Email	<input type="text"/>
Password	<input type="password"/>
<input type="checkbox"/> Remember me	
<input type="button" value="Sign in"/>	

Nút nhấn và checkbox được dịch phải 2 ô (.col-sm-offset-2)

Form trên một hàng (.form-inline)

Name	<input type="text" value="Jane Doe"/>	Email	<input type="text" value="jane.doe@example.com"/>	<input type="button" value="Send invitation"/>
------	---------------------------------------	-------	---	--



```
<form class="form-inline">
  <div class="form-group">
    <label for="name">Name</label>
    <input class="form-control" id="name">
  </div>
  <div class="form-group">
    <label for="email">Email</label>
    <input class="form-control" id="email">
  </div>
  <button class="btn btn-default">Send</button>
</form>
```

Các thành phần của form

Nhóm điều khiển (.input-group)

.input-group: tạo nhóm điều khiển

.input-group-addon: đính kèm thêm vào .form-control

Amount



```
<div class="form-group">
  <label for="amt">Amount</label>
  <div class="input-group">
    <div class="input-group-addon">$</div>
    <input class="form-control" id="amt">
    <div class="input-group-addon">.00</div>
  </div>
</div>
```

Kèm biểu tượng vào .form-control

Thêm biểu tượng vào ngay sau **.form-control** và áp dụng thêm **.form-control-feedback**
Ở phần **.form-group** áp dụng thêm **.has-feedback**

Email Address



Mobile Number



Website



```
<form>
  <div class="form-group has-feedback">
    <label for="email">Email Address</label>
    <input class="form-control" id="email">
    <span class="glyphicon glyphicon-envelope form-control-feedback"></span>
  </div>
  ...
</form>
```

Trạng thái .form-control

.has-error: màu trạng thái lỗi

.has-success: màu trạng thái thành công

.has-warning: màu trạng thái cảnh báo

Email Address

Mobile Number

Website



```
<form>
  <div class="form-group has-error has-feedback">
    <label for="email">Email Address</label>
    <input class="form-control" id="email">
    <span class="glyphicon glyphicon-remove-sign form-control-feedback"></span>
  </div>
  ...
</form>
```

Button



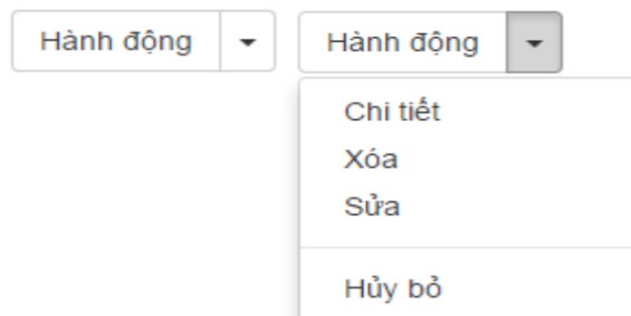
```
<button class="btn btn-default">Default</button>  
<button class="btn btn-primary">Primary</button>  
<button class="btn btn-success">Success</button>  
<button class="btn btn-info">Info</button>  
<button class="btn btn-warning">Warning</button>  
<button class="btn btn-danger">Danger</button>  
<button class="btn btn-link">Link</button>
```

.btn: định dạng nút

.btn-<status>: hình thức hiển thị của nút

- ❖ **.btn-default**: mặc định
- ❖ **.btn-primary**: nút chính
- ❖ **.btn-success**: thành công
- ❖ **.btn-info**: thông báo
- ❖ **.btn-warning**: cảnh báo
- ❖ **.btn-danger**: nguy hiểm
- ❖ **.btn-link**: liên kết

Dropdown Button



```
<div class="btn-group">
  <button type="button" class="btn btn-default">Hành động</button>
  <button type="button"
    class="btn btn-default dropdown-toggle" data-toggle="dropdown">
    <span class="caret"></span>
  </button>
  <ul class="dropdown-menu">
    <li><a href="#">Chi tiết</a></li>
    <li><a href="#">Xóa</a></li>
    <li><a href="#">Sửa</a></li>
    <li role="separator" class="divider"></li>
    <li><a href="#">Hủy bỏ</a></li>
  </ul>
</div>
```

Chia thành 2
nút riêng biệt

Button Group

Left	Middle	Right
------	--------	-------

1	2	Dropdown ▼
---	---	------------

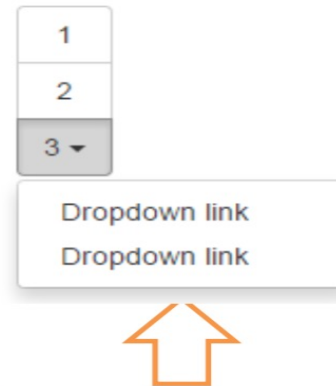
1	2	3	4	5	6	7	8
---	---	---	---	---	---	---	---

Nhóm ngang

Button
Button
Dropdown ▼
Button
Button
Dropdown ▼
Dropdown ▼
Dropdown ▼

Nhóm đứng

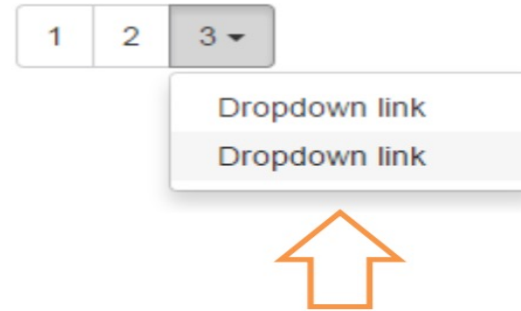
Nhóm button đứng



```
<div class="btn-group-vertical" role="group">
  <button type="button" class="btn btn-default">1</button>
  <button type="button" class="btn btn-default">2</button>

  <div class="btn-group" role="group">
    <button type="button"
      class="btn btn-default dropdown-toggle" data-toggle="dropdown">
      3 <span class="caret"></span>
    </button>
    <ul class="dropdown-menu">
      <li><a href="#">Dropdown link</a></li>
      <li><a href="#">Dropdown link</a></li>
    </ul>
  </div>
</div>
```

Nhóm button ngang



```
<div class="btn-group" role="group">
  <button type="button" class="btn btn-default">1</button>
  <button type="button" class="btn btn-default">2</button>
  <button type="button" class="btn btn-default dropdown-toggle" data-toggle="dropdown">
    3 <span class="caret"></span>
  </button>
  <ul class="dropdown-menu">
    <li><a href="#">Dropdown link</a></li>
    <li><a href="#">Dropdown link</a></li>
  </ul>
</div>
</div>
```

Glyphicons

- Glyphicons là các biểu tượng phong chữ mà bạn có thể sử dụng trong các dự án web của bạn.

```
<span class="glyphicon glyphicon-search"></span>
```

```
<button type="button" class="btn btn-default btn-lg">  
  <span class="glyphicon glyphicon-star"></span> Star  
</button>
```



glyphicon
glyphicon-star



glyphicon
glyphicon-star-empty



glyphicon
glyphicon-user



glyphicon
glyphicon-remove



glyphicon
glyphicon-zoom-in



glyphicon
glyphicon-zoom-out

